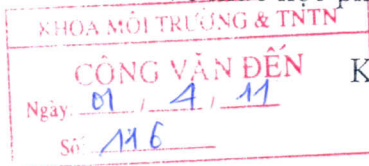


Số: 490 /ĐHCT-PTV

Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2011

Về mức học phí áp dụng cho năm học 2011-2012



Kính gửi: - Thủ trưởng các đơn vị trong Trường
- Sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh của Trường

- Căn cứ Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

- Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/11/2010 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 14/2/2011 của Ban Giám Hiệu và Ban Thường vụ Đảng uỷ Trường Đại Học Cần Thơ về việc thống nhất mức học phí áp dụng cho năm học 2011-2012,

Hiệu trưởng Trường Đại Học Cần Thơ quy định mức học phí năm học 2011-2012 áp dụng đối với sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh học tại Trường, như sau:

1- Phân loại nhóm ngành đào tạo:

Nhóm 1: Bao gồm các ngành thuộc các Khoa, Viện sau:

- Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
- Khoa Luật
- Khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng (trừ ngành Công nghệ thực phẩm)
- Khoa Thủy sản (trừ ngành Chế biến thủy sản)
- Khoa Dự bị Dân tộc
- Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL

Nhóm 2: Bao gồm các ngành thuộc các Khoa, Viện sau:

- Khoa Công nghệ
- Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên
- Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông
- Khoa Khoa học Tự nhiên
- Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ sinh học
- Ngành thuộc nhóm 1 sau:
 - + Ngành Công nghệ thực phẩm (Khoa NN & SHƯĐ)
 - + Ngành Chế biến thủy sản (Khoa Thủy sản)

Nhóm 3: Diện không phải đóng học phí gồm các ngành sư phạm thuộc Khoa, BM (chỉ áp dụng đối với sinh viên đại học chính quy, học viên sau đại học thuộc các ngành sư phạm phải đóng học phí bằng với mức của nhóm ngành 1)

- Khoa Sư Phạm
- Khoa Khoa Học Chính Trị (SP Giáo dục Công dân)
- BM Giáo dục thể chất (SP Thể dục thể thao)

2- Lộ trình tăng học phí theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP

2.1- Mức trần học phí đối với đào tạo trình độ đại học

ĐVT: đồng/sinh viên/tháng

Năm học Nhóm	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
	1	290.000	355.000	420.000	485.000
2	310.000	395.000	480.000	565.000	650.000

2.2- Mức trần học phí đối với đào tạo trình độ khác: Được xác định theo hệ số điều chỉnh sau:

Trình độ đào tạo	Hệ số so với đại học
Cao đẳng	0,8
Đại học	1
Thạc sĩ	1,5
Tiến sĩ	2,5

3- Mức học phí

3.1- Hệ cao đẳng chính quy tập trung dài hạn.

3.1.1- *Mức học phí:* 105.000 đ/tín chỉ

3.1.2- *Mức học phí trên áp dụng cho các trường hợp còn đang học trong thời gian thiết kế của chương trình đào tạo.*

3.1.3- *Mức học phí trên được tính nhân 1,5 lần đối với trường hợp sau:*

- Học thi lại học phần, học cải thiện điểm.
- Học ngoài thời gian thiết kế chương trình đào tạo.

3.2- Hệ đại học chính quy tập trung dài hạn.

3.2.1- *Mức học phí*

ĐVT: đồng

STT	Loại học phần	Mức học phí một tín chỉ
1	Học phần giáo dục đại cương	118.000
2	Học phần cơ sở và chuyên ngành thuộc nhóm ngành 1	118.000
3	Học phần cơ sở và chuyên ngành thuộc nhóm ngành 2	131.000

3.2.2- *Mức học phí trên áp dụng cho các trường hợp còn đang học trong thời gian thiết kế của chương trình đào tạo.*

3.2.3- *Mức học phí trên được tính nhân 1,5 lần đối với các trường hợp sau:*

- Học thi lại học phần, học cải thiện điểm.
- Học ngoài thời gian thiết kế đào tạo (các học phần của ngành sư phạm lấy mức học phí nhóm 1 làm căn cứ tính nhân 1,5).
- Học ngoài khung chương trình đào tạo ngành 1.
- Bằng 2.
- Liên thông cao đẳng lên đại học.
- Sinh viên thuộc diện cử tuyển.
- Học phần dạy bằng tiếng Anh thuộc Chương trình tiên tiến (kể cả học thi lại, học cải thiện điểm).

3.3- Hệ đại học vừa làm vừa học

- Mức học phí năm 2011 (tính theo năm tài chính chứ không tính theo năm học, không phân biệt nhóm ngành đào tạo): 4.500.000 đ/sinh viên/năm.

- Mức học phí học lại các học phần là 144.000 đồng/tín chỉ.

- Đến hết thời gian thiết kế đào tạo, những học phần mà Nhà trường chưa tổ chức giảng dạy được thì Trường sẽ tổ chức dạy bù và không thu học phí. Trường hợp có giảng dạy mà sinh viên không tham gia học tập thì khi Trường tổ chức giảng dạy học phần đó sinh viên phải đóng học phí mức là 144.000 đồng/tín chỉ.

3.4- Hệ đại học từ xa

- Mức học phí: 2.500.000 đ/sinh viên/năm.
- Mức học phí học lại các học phần là 144.000 đồng/tín chỉ.

3.5- Đào tạo thạc sĩ.

3.5.1- Mức học phí:

DVT: đồng

STT	Nhóm ngành	Mức học phí		
		Một tháng	Một năm	Một tín chỉ
1	Nhóm 1, Nhóm 3	532.500	5.325.000	190.000
2	Nhóm 2	592.500	5.925.000	215.000

Học phí đào tạo thạc sĩ thực hiện thu theo từng năm học.

3.5.2- Mức học phí trên được tính nhân 1,5 lần đối với các trường hợp học sau:

- Học thi lại học phần, học cải thiện điểm.
- Học ngoài thời gian thiết kế chương trình đào tạo.

3.6- Đào tạo tiến sĩ:

Mức học phí:

DVT: đồng

STT	Nhóm ngành	Mức học phí	
		Một tháng	Một năm
1	Nhóm 1, Nhóm 3	887.000	8.870.000
2	Nhóm 2	987.000	9.870.000

- Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ (thời gian đào tạo tối đa là 4 năm), số năm đóng học phí chỉ là 3 năm. Học phí thu theo từng năm học, thu liên tiếp cho 3 năm.

- Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ (thời gian đào tạo tối đa là 5 năm), số năm đóng học phí chỉ là 4 năm. Học phí thu theo từng năm học, thu liên tiếp cho 4 năm.

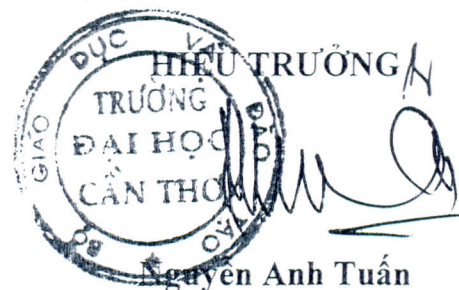
- Trường hợp NCS có gia hạn thời gian học tập (sau khi đã học hết thời gian đào tạo tối đa): Gia hạn dưới 6 tháng đóng 50% học phí của năm, trên 6 tháng đóng 100% học phí của năm. Nếu gia hạn chỉ để tổ chức báo cáo tốt nghiệp thì không phải đóng học phí nhưng có trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí bảo vệ luận án.

3.7- Học phí bổ túc kiến thức dự thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ: 190.000 đ/tín chỉ

Đề nghị thủ trưởng các đơn vị trong Trường thông báo đến toàn thể sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh biết thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KHTH, TV.



Nguyễn Anh Tuấn